TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:139/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phó

Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 27, ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang T1,** sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 27, ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Quang T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh T1 có người phụ nữ khác, thường xuyên đánh chị, vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp. Anh T1 đi làm ăn xa lâu lâu mới về nhà một lần. Khoảng vài tháng về một lần. Chị đã nhiều lần hàn gắn, khuyên nhủ nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Chị đang sống cùng với hai con Nguyễn Thị Tú T2, sinh ngày 07/5/1998, đã trưởng thành. Nguyễn Thị Tú D, sinh ngày 31/01/2007. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú T2, sinh ngày 07/5/1998, đã trưởng thành. Nguyễn Thị Tú D, sinh ngày 31/01/2007. Hiện cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

-Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng. Thời điểm bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, bị đơn anh T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tú D, sinh ngày 31/01/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Quang T1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 có nơi cư trú tại ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Võ Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Quang T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 01/10/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị T cho rằng anh T1 không quan tâm vợ con. Giữa chị T và anh T1 không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh T1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị.

Thấy rằng, giữa anh T1 và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có con chung tên Nguyễn Thị Tú T2, sinh ngày 07/5/1998, đã trưởng thành, lao động được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tú D, sinh ngày 31/01/2007. Hiện cháu đang sống với chị và không yêu cầu anh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, anh T1 và chị T đã sống ly thân hơn 01 năm, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay cháu Nguyễn Thị Tú D vẫn đang sống chung với chị T, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần thiết giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị T và anh T1 có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh T, chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Quang T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tú D, sinh ngày 31/01/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003556 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ
Đỗ Thị Hồng Quyên